TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CB** **TỈNH CB**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 156/2020/QĐST- HNGĐ	*CB, ngày 30 tháng 9 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **131/2020/TLST- HNGĐ** ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Nông Việt H**

Địa chỉ: Tổ 10, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Thị K**

Địa chỉ: Tổ 10, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nông Việt H

Địa chỉ: Tổ 10, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

Bà Nguyễn Thị K

Địa chỉ: Tổ 10, phường NX, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nông Việt H và bà Nguyễn Thị K.

- ***Về con chung:*** Quá trình chung sống vợ chồng, ông Nông Việt H và bà Nguyễn Thị K có 01 con chung là Nông K H (giới tính: Nữ; sinh ngày 17/10/2012).

Các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau:

Bà Nguyễn Thị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là 01 con chung là Nông K H (giới tính: Nữ; sinh ngày 17/10/2012) đến khi con chung thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nông Việt H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung thành niên. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 10/2020. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- ***Về tài sản chung:*** Các bên đương sự xác nhận có tài sản chung nH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung:*** Các bên đượng sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:***

Ông Nông Việt H và bà Nguyễn Thị K mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn và ông Nông Việt H còn phải chịu 150.000đ tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để sung công quỹ Nhà nước.

Hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận ông Nông Việt H nộp thay số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị K. Tổng số tiền án phí ông H phải chịu là 300.000đ, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà ông H đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0000820 ngày 09/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố CB, tỉnh CB. Xác nhận ông H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường SB, TP.CB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thúy Hằng